

Bản án số: **87/2022/HS-PT**

Ngày: 23-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quốc Cường

Ông Nguyễn Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 92/2022/TLPT-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Võ Hồng N cùng đồng phạm bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”, “Gây rối trật tự công cộng” và “Bắt giữ người trái pháp luật”. Do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 17-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Võ Hồng N. Tên gọi khác: N Báu. Sinh ngày 17/5/1982, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKKHKT: tổ 3, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hồng L và bà Võ Thị T S; bị cáo có vợ là Nguyễn Hoa Khả T (đã ly hôn) có 02 con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2010; tiền án: không, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 1998 phạm tội Gây rối trật tự công cộng, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tuyên phạt 12 tháng tù, chấp hành xong ngày

01/02/2000; Ngày 25/8/1998, bị Công an phường Y, thành phố P xử phạt Cảnh cáo về hành vi Gây rối TTCC; Ngày 30/10/1998, bị Công an phường Y, thành phố P xử phạt Cảnh cáo về hành vi Gây rối TTCC; Ngày 05/9/2000, bị Công an thành phố P xử phạt VPHC 200.000đ về hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác, đã chấp hành xong.

Bị cáo đầu thú ngày 10/3/2020 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Nguyễn T V, Sinh ngày 21/11/1995, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT: tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T T và bà Võ Thị H; bị cáo có vợ Hồng Thị Như Q, chưa có con; tiền án: không, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 05/6/2013 có hành vi Cố ý gây thương tích bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố sau đó đình chỉ điều tra bị can, ngày 23/8/2013 Công an huyện C xử phạt hành chính 750.000đ, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/2/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai; Có mặt.

3. Trần Trung T. Tên gọi khác: T T. Sinh ngày 19/10/1982, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc B (đã chết) và bà Bùi Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Tường V và 02 con sinh năm 2013 và năm 2014; tiền án: không, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2000 phạm tội Cướp tài sản, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai tuyên phạt 05 năm tù, chấp hành xong ngày 12/02/2005.

Bị cáo đầu thú ngày 02/7/2019 và bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 28/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

4. Lê V H. Tên gọi khác: Cu Bin. Sinh ngày 29/11/1988, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh N và bà Phan Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 25/10/2009 phạm tội Giết người, bị TAND tối cao tại TP. Đà Nẵng tuyên phạt 15 năm tù, chấp hành xong ngày 26/02/2019 (chưa được xóa án tích), tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 28/7/2005, bị UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp, chiếm giữ trái phép tài sản. Chấp hành xong ngày 25/02/2007.

Bị bắt tạm giam từ ngày từ ngày 23/7/2019 đến ngày 19/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

5. Bùi H1. Tên gọi khác: Khi. Sinh ngày 14/4/1989, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đăng H và bà Nguyễn Thị Ngọc T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thùy D, có 02 con sinh năm 2012 và năm 2015; tiền án: không, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2007 phạm tội Cướp giật tài sản, bị TAND TP. Q, tỉnh Bình Định tuyên phạt 02 năm tù, chấp hành xong ngày 17/01/2009; Ngày 26/6/2010, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an TP. P, T. Gia Lai xử phạt VPHC 350.000 đồng, đã chấp hành.

Bị cáo đầu thú ngày 02/7/2019 và bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 28/9/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

6. Nguyễn Anh D. Tên gọi khác: T em. Sinh ngày 17/11/1991, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D; bị cáo có vợ là Dương Hồng L, có 02 người con sinh năm 2011 và năm 2019; tiền án: không, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 23/7/2010 có hành vi Cố ý gây thương tích, bị Công an phường I, thành phố P xử phạt VPHC 1.500.000 đồng, đã chấp hành; Ngày 26/01/2013 có hành vi Cố ý gây thương tích, bị Công an phường D, thành phố P xử phạt VPHC 1.500.000 đồng, đã chấp hành.

Ngày 01/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo đầu thú ngày 02/7/2019 và bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 28/9/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 30/10/2020 bị cáo đi chấp hành án theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố P. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Trần Anh K. Tên gọi khác: Nhóc. Sinh ngày 29/12/1994, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: làng Ôp, phường Hoa Lư, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Nhân T và bà Võ Thị N; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Diễm M, có 01 con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: Ngày 31/12/2018, có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị CA thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt VPHC 1.500.000 đồng, đã chấp hành nộp phạt ngày 29/01/2019.

Nhân thân: Ngày 04/4/2009, phạm tội Giết người, bị TAND tối cao tại TP. Đà Nẵng tuyên phạt 11 năm tù, chấp hành xong ngày 13/7/2018 (Thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 16 tuổi nên được coi là không có án tích),

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 18/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

8. Nguyễn Ngọc T. Tên gọi khác: L, Ruốc. Sinh ngày 15/8/1993, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim C, chưa có con; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 04/6/2011, phạm tội Giết người, bị TAND tối cao tại TP. Đà Nẵng tuyên phạt 08 năm tù, chấp hành xong ngày 31/8/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/7/2019 đến ngày 19/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang bị giam ở vụ án khác; Vắng mặt.

9. Đoàn Anh T. Tên gọi khác: Chim. Sinh ngày 09/11/1994, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: tổ 13, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T và bà Trịnh Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Năm 2014, phạm tội Cướp giật tài sản, bị TAND thành phố P, tỉnh Gia Lai tuyên phạt 06 năm tù, chấp hành xong ngày 20/5/2019; tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2009, phạm tội Cướp tài sản, bị TAND thành phố P, tỉnh Gia Lai tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù, chấp hành xong ngày 17/01/2013.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

10. Trần Minh P. Tên gọi khác: H. Sinh ngày 27/3/1998, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: lao

động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị Y; bị cáo có vợ là Phan Thị Mỹ Q, có 01 con sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 21/10/2016, có hành vi Gây rối TTCC, bị Công an phường I, thành phố P xử phạt VPHC 750.000 đồng, đã chấp hành xong.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang giam ở vụ án khác; Vắng mặt.

11. Lê Văn H. Tên gọi khác: B. Sinh ngày 28/5/2000, tại P, Gia Lai. Nơi ĐKKTT: TP. P, Gia Lai. Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Mạnh H1 và bà Lý Thị H; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2015, phạm tội Cố ý gây thương tích, bị TAND thành phố P, tỉnh Gia Lai tuyên phạt 30 tháng tù, chấp hành xong ngày 25/01/2017.

Bị cáo đầu thú ngày 10/7/2019 và bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 06/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T V:* Ông Phạm Ngọc Q là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn T V, sinh năm 1995, đồng thời là bị cáo trong vụ án.

Nơi cư trú: huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Tiêu D D, sinh năm 1983

Nơi cư trú: tổ 14, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hiện đang bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa – Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp cho bị hại Tiêu D D: Ông Tiêu Viết Q, sinh năm 1965, là cha của bị hại. Có mặt

Trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Tiêu D D: Ông Hoàng Văn H, là Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h15' ngày 01/7/2019, khi Tiêu D D đang ăn nhậu cùng ông Tiêu Viêt Q (cha của D), Tiêu D K (em trai D), Bùi H1 và Đoàn Anh T tại nhà của K ở địa chỉ phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì thấy số điện thoại 0967016789 gọi nhờ vào số của mình nên D gọi lại thì đầu bên kia nghe máy và xưng là N B (Võ Hồng N), nhận ra N là người quen nên khi N rủ đi nhậu và nói địa điểm sẽ gặp nhau ăn nhậu là quán vịt lộn C của bà Nguyễn Thị Đ ở vỉa hè đường H, trước hàng rào trụ sở Công an thành phố P (CATP), thuộc tổ 2, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì D đồng ý, hai bên nói chuyện với nhau thêm khoảng 08 phút nữa thì tắt máy. D, H1 và T tiếp tục ngồi nhậu tại nhà K thêm khoảng 30' nữa thì nghỉ để đi nhậu với N, D điều khiển xe ô tô BKS 81A - 14679 chở H1 và T đến quán vịt lộn C, khi gần đến nơi thì N lại gọi điện cho D hỏi đi chưa thì D nói gần đến nơi rồi, khi D lái xe đến trước quán thì đã thấy N ngồi ở đây, cùng ngồi với N còn có Bùi Phương D. D, H1 và T vào ngồi chung bàn với N và D, uống thêm một ly bia nữa thì D qua bàn khác ở trong quán ngồi. N, D, H1 và T nhậu cùng nhau đến khoảng gần 01 giờ 00' ngày 02/7/2019 thì giữa N và D xảy ra mâu thuẫn xô sát, đánh nhau (D, H1 và T khai không phải khi đó hai bên xảy ra mâu thuẫn đánh nhau mà khi đó H1 đang tính tiền để nghỉ đi về thì cả ba bất ngờ thấy N tay phải cầm khẩu súng ngắn màu đen chĩa vào đầu D nói: “Tao bắn chết mày nha T Cung, tao bắn chết mày nha T Cung” và bóp cò thì có hai tiếng: “Tạch, tạch” vang lên nhưng súng không nổ, D liền dùng hai tay chụp lấy tay N đang cầm súng dí xuống đất để giằng lấy, H1 và T cũng vào chụp tay súng của N để tước súng nhưng N không thả, D cúi người xuống cắn vào cổ tay phải đồng thời dùng tay đâm vào ngực thì N thả súng ra rồi bỏ chạy về hướng cổng CATP), N bỏ chạy về hướng cổng trụ sở CATP, T đuổi theo nhặt đá ném nhưng không trúng, N tung cổng chạy vào trong sân CATP trốn, tại đây N gọi điện thoại cho Trần Trung T nói mới bị đánh, đang ở trong CATP và nhờ T đến chở về thì T đồng ý rồi dậy lấy xe mô tô BKS: 81B1 - 995.84 và một con dao dài khoảng 01 mét kê lên yên xe ngồi lên trên rồi chạy đi đón N, sau khi điện cho T thì N gọi điện cho Trần Minh T nói: “Tụi nó đang kiếm giết anh, tụi bay tập trung anh em lại cầm đồ (Hung khí) xuống CATP đón anh rồi kiếm tụi nó chơi lại”. N chờ T khoảng 10' chưa thấy đến thì tiếp tục gọi điện thoại cho Nguyễn Đức L nhờ qua CATP đón về, L nhận lời nhưng không có xe nên gọi điện thoại cho Nguyễn T V rủ đi cùng, V điều khiển xe ô tô BKS: 81A - 133.82 chở L qua CATP đón N. Khi L và V chưa đến thì Trần Trung T điều khiển xe mô tô đến đón, N lên ngồi sau xe rồi nhờ T chở về nhà mẹ ở địa chỉ 124 Đ, phường Y. Khi T chở N đi đến ngã tư giữa đường Đ và H thì gặp Bùi H1 đang điều khiển xe mô tô BKS: 81B2 - 069.07 chở Tiêu D D đi ngược chiều (D

khai: sau khi về nhà và cất xe ô tô xong thì phát hiện bị mất chiếc ví da bên trong có giấy tờ tùy thân và khoảng 40 triệu đồng, nghĩ bị rơi ở quán C nên nhờ H1 dừng xe mô tô chờ quay lại quán để tìm rồi qua CATP giao nộp khẩu súng vừa tước được từ N, khi H1 chờ D đến ngã tư H - Đ thấy xe mô tô T chở N đi ngược chiều nên D nói H1 chạy qua chặn lại để nói chuyện), H1 lái xe chặn T và N lại nhưng N nói chạy đi thì T lách qua rồi chở N bỏ chạy theo đường Đ về phía đường T. H1 chở D đuổi theo, hai bên truy đuổi nhau quanh các tuyến đường thuộc phường Y, thành phố P khoảng 05 phút thì T chở N chạy đến đường H và đi về phía cổng CATP rồi lượn vào sát cổng, thấy vậy H1 chở D chạy vọt qua thì T chở N chạy ra lại đường H và đi ở làn ngược chiều về phía đường H, H1 cũng chở D quay lại đuổi theo. Hai xe đuổi nhau chạy xuống khu vực chợ đêm rồi theo đường L lên đường H, hai xe chạy ở làn đường ngược chiều về phía cổng trụ sở CATP. Khi đến cổng, T chở N đi sát vào cổng phụ thì H1 chở D lượn vào rồi quay ra lại đường H và đi chậm chậm về phía đường L, khi T đang loay hoay để lùi xe ra khỏi cổng phụ CATP thì N xuống xe nghe điện thoại của L và T, N hỏi: “Tụi mày đến đâu rồi, tao đang trước CATP”. Vài giây sau thì V điều khiển xe ô tô BKS: 81A-133.82 chở Nguyễn Đức L, Trần Minh T và Nguyễn Quốc T đi đến (trước đó khi V chở L đến ngã tư đường P - H để đón N nhưng không thấy thì L gọi điện hỏi N đang ở đâu, N nói đang bên CATP, V quay đầu xe để quay lại CATP thì Trần Minh T đi cùng Nguyễn Quốc T và một người nữa tên Cần - hiện chưa rõ lai lịch trên một xe mô tô lại gõ cửa xin lên xe đi cùng, khi lên xe T mang theo hai con dao dài khoảng 01 mét, đi cùng T còn có T, người điều khiển xe mô tô chở T và T đến sau đó đi đâu không rõ), khi V lái xe đến trước cổng CATP thì thấy N đang đứng ở đây, thấy xe V đến N chỉ tay về phía H1 và D đang đi xe mô tô phía trước đầu xe ô tô nói: “Hai thằng đó đó, tông chết mẹ nó cho tao”. V lái xe ô tô đi qua vị trí N đứng về phía xe mô tô của H1 và D, khi đó H1 cũng quay xe lại đi ở làn đường ngược chiều về phía xe ô tô, khi hai xe đi đến gần nhau thì V lái xe ô tô chuyển hướng sang phải (theo chiều đi của xe ô tô) chặn hướng di chuyển của xe mô tô, H1 lái xe tránh sang trái (theo chiều đi của mình) để tránh vẫn bị góc trước bên phải đầu xe ô tô tông trúng làm H1 và D bị ngã xuống đường, xe ô tô tiếp tục lao tới tông vào xe công trình (xe máy đào) đang đậu bên đường dừng lại và hư hỏng. T mở cửa xe ô tô và cầm dao bước xuống, H1 và D vùng dậy bỏ chạy, D cầm khẩu súng quân dụng CF98 (D khai nguồn gốc khẩu súng là do trước đó tước được từ tay Võ Hồng N tại quán C), lên đạn và chạy đến cửa trước bên tài chĩa vào trong (vị trí V đang ngồi) bắn một phát, súng nổ, đầu đạn xuyên qua kính chắn gió và găm vào vai trái Nguyễn T V, bắn xong D cầm súng chạy bộ về phía đường L rồi xuống chợ đêm thì bị Trần Trung T điều khiển xe mô tô chở Trần Minh T mang theo 03 con dao dài khoảng 01 mét đuổi theo, V bị trúng đạn thì được Nguyễn Đức L cùng Nguyễn Quốc T dùng xe ô tô BKS: 81A - 133.82 đưa đến Bệnh viện Quân y 211 cấp cứu. Khi D

chạy đến ngã ba đường N và L (trước cổng khách sạn T, thuộc tổ 2, phường D, thành phố P) thì Trần Trung T và Trần Minh T đuổi kịp. Khi chạy qua T vùng dao chém thì D né nên không trúng, T chờ T chạy vượt qua khoảng vài mét thì dừng lại, T xuống xe thì bị D chĩa súng vào người bắn 02 phát trúng tay trái và vùng thắt lưng trái, bắn T xong D cầm súng đánh vào đầu T gây thương tích. T chụp tay D giằng co, xô đẩy, T cầm dao lao vào chém D, D chụp dao của T giằng lấy thì T thả ra rồi đến xe của T lấy một con dao khác, D vùng dao chém T thì bị T chụp tay dao giằng lấy, khi T và D giằng co thì T cầm dao chém, đâm D nhiều nhát, giằng một lúc thì T tước được dao từ tay D còn D bị ngã, T vùng dao chém D khoảng ba cái thì dừng lại, T và D khoác vai nhau nói chuyện sau đó T nhờ người bán hàng ở chợ đêm chở D đi cấp cứu, T nhặt khẩu súng D làm rơi tại hiện trường và cầm ba con dao lên ngồi sau xe T đi về, đi được một đoạn T phát hiện T bị trúng đạn nên chở đến Bệnh viện tỉnh Gia Lai cấp cứu, trên đường đi T làm rơi mất ba con dao, T cấp cứu đến 08h10' ngày 02/7/2019 thì chết, T mang giao nộp khẩu súng cho cơ quan Công an.

Về phần Bùi H1: Sau khi bị V tông ngã trước Liên đoàn lao động tỉnh Gia Lai thì vùng dậy bỏ chạy về phía ngã ba L - H rồi nấp vào một sạp hàng chợ đêm đầu đường L, khi nấp ở đây H1 nghe ồn ào và có hai tiếng súng nổ ở chợ đêm đoạn trước khách sạn T, khoảng 5 phút sau thấy yên ắng thì ra khỏi chỗ nấp đi xuống chợ đêm hỏi những người bán hàng ở đây mới xảy ra chuyện gì thì họ nói mới xảy ra đánh nhau, có người bị thương nhưng đi cấp cứu rồi, nghĩ chắc D bị thương nên gọi điện cho Lê V H báo: “Anh T (T Cung, Tiêu D D) bị tai nạn đi cấp cứu rồi nhưng không biết ở bệnh viện nào, giờ H1 lên Bệnh viện T phố P xem sao”. Nói xong H1 còn gọi điện cho Đoàn Anh T báo việc T Cung bị tai nạn và rủ T cùng đi tìm, sau đó nhờ người bán hàng ở chợ đêm chở lên Bệnh viện thành phố P. Cùng thời điểm đó, Lê Văn H cũng đến chợ đêm ăn khuya, thấy mọi người ồn ào, bàn tán thì H hỏi có chuyện gì vậy, có người nói: “Hồi nãy ở đây xảy ra chém nhau, người bị thương là T Cung nhưng đi cấp cứu rồi, nghe nói nặng lắm”. Là người thân, quen với T Cung nên H lo lắng, H gọi điện thoại cho Nguyễn Anh D nói: “Anh T Cung bị chém ở chợ đêm, đi cấp cứu rồi nhưng không rõ ở bệnh viện nào”, nghe vậy thì D nói H qua nhà rồi cùng đi tìm T Cung luôn, khi H qua đến nơi thì D điều khiển xe ô tô BKS: 81C - 160.58 chở H đến bệnh viện thành phố P tìm, tại đây H và D gặp H1, H và Nguyễn Ngọc T (trước đó, khi H đang hát Karaoke cùng bạn ở đường Q thì nhận điện thoại của Bùi H1 báo T Cung bị tai nạn nên H nói Nguyễn Ngọc T mượn xe mô tô chở H đi tìm T Cung, T mượn xe mô tô chở H lên Bệnh viện T phố P tìm thì gặp D, H và H1), sau khi tìm không thấy T Cung thì cả nhóm chạy đến Bệnh viện đa khoa tỉnh tìm, tại đây cũng không thấy nên lại cùng chạy sang Bệnh viện H, tại đây cũng không có nên bảo nhay chạy ra Bệnh viện

Quân y 211. Đến khoảng 02h thì H, T, H1, H và D ra đến nơi, H, T và H đi vào trong khoa cấp cứu để tìm, ngó quanh phòng không thấy T Cung nhưng thấy Nguyễn T V đang ngồi trên giường cấp cứu truyền nước ở tay phải, trên người V chỉ mặc quần dài không có áo, thấy H quen nên V chào và nói chuyện với H vài câu, nói xong H, T và H đi ra ngoài, ra đến sân thì H1 chỉ tay về phía chiếc xe ô tô BKS: 81A - 133.82 đang đậu trong bãi xe nói: “Cái xe biển 82 kia giống cái xe hồi nãy tông anh T”, nghe vậy thì H nghĩ V là người đã lái xe ô tô đó tông T Cung nên quay vào khoa cấp cứu đến chỗ V hỏi: “Hồi nãy mày tông anh T Cung phải không?” V nói: “V không biết đó là anh T”. H nghĩ V đã lái xe tông và có thể biết T Cung đang ở đâu nên nảy sinh ý định bắt V đưa đi nơi khác hỏi để tìm T Cung, sau đó chở lên giao cho Công an, H dùng tay giật dây truyền nước ra khỏi tay V rồi nắm vào sợi dây chuyền V đeo trên cổ kéo V xuống khỏi giường cấp cứu và kéo ra sân, vừa đi H vừa nói: “Giờ mày đi kiếm anh T với tao rồi tao đưa mày lên Công an luôn”, khi đó Đoàn Anh T cũng mới đến thấy H kéo V thì đi sau lưng đẩy V ra khỏi khoa cấp cứu. Khi ra đến cửa khoa cấp cứu thì T và H1 lao đến dùng tay đập vào mặt V. Khi ra đến sân H hỏi V: “Lúc nãy mày tông anh tao ở đâu?”, V nói: “Ở ngoài chợ” thì D nói: “Đưa nó lên xe đi kiếm anh T”, các đối tượng đẩy V lên xe ô tô bán tải BKS: 81C - 160.58 ngồi ở hàng ghế sau cùng với H và H1, H thấy Trần Anh K cũng vừa đi Taxi đến (trước đó khi K đang hát Karaoke cùng H và T thì thấy H và T đi khỏi quán, K hỏi thì biết họ đi tìm T Cung nên gọi xe Taxi đi theo) nên gọi lên ngồi cùng ở hàng ghế sau, H ngồi ở ghế trước bên phụ, D lái xe bán tải chở mọi người đi khỏi bệnh viện 211 rồi đi về phía Biển Hồ nước, thấy vậy Nguyễn Ngọc T và Trần Minh P chạy xe mô tô theo sau (trước đó P đang hát Karaoke cùng H, T và K thì thấy họ đi khỏi quán, P hỏi thì biết họ đi tìm T Cung, P điều khiển xe mô tô đi theo, khi ra đến Bệnh viện 211 thấy mọi người đang kéo bắt V từ trong ra thì cùng tham gia), khi xe ô tô ra đến nơi thì cổng đóng nên H xuống xe mở cổng, D lái xe chạy qua cổng đi sâu vào trong luôn chứ không đón H lên xe, đi được một đoạn thì H nói: “Chở vào đây làm gì, chở về phố đi”, D lái xe quay đầu đi ra, ra đến cổng thì đón H lên xe, đi thêm một đoạn nữa thì thấy Đoàn Anh T nên đón lên xe ngồi cùng H ở ghế trước bên phụ. D lái xe chở H, H, K, H1, T và V đến nghĩa trang nhân dân thành phố P ở đường Nguyễn Văn Cừ, phường I và đi sâu vào trong, tại đây các đối tượng đưa V xuống xe và đưa lên trước đầu xe ô tô dùng tay, chân đánh và truy hỏi tại sao V lại lái xe ô tô tông T Cung, bọn V đang giấu T Cung ở đâu. V nói: Không biết đó là T Cung và không biết T Cung đang ở đâu. Đến khoảng 03h cùng ngày, sau khi tra hỏi không có kết quả thì H nói để cho V về, V được H đưa lên xe Taxi gọi đến trước đó để tự đi về, khi V vừa lên xe thì Trần Minh P và Nguyễn Ngọc T cũng vừa đi xe mô tô đến, thấy V trên xe P có với theo đám V thì được H ngăn lại. V tự quay lại Bệnh viện 211 tiếp tục cấp cứu và điều trị đến ngày 12/7/2019 thì xuất viện.

Về phần Tiêu D D, khi được người bán hàng ở chợ đêm chở đi cấp cứu D đã không nhờ chở đến bệnh viện mà nhờ chở về nhà bố đẻ của mình là Tiêu Quyết Q ở phường I, thành phố P nhờ đưa qua Bệnh viện T Hạnh - thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp cứu để lần trốn, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai đã triển khai các biện pháp truy bắt, đến 11h00' ngày 02/7/2019 phát hiện D đang chữa trị vết thương tại đây nên làm thủ tục chuyển viện cho Tiêu D D về điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai và Ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp để bắt, giữ D.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 98/2019/TT ngày 14/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận: Trần Minh T chết do: Mất máu cấp do vết thương thấu bụng gây thủng ruột nhiều vị trí do hỏa khí.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 200/2019/TgT ngày 02/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn T V là 20%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 250/2019/TgT ngày 14/11/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận: Tiêu D D bị thương tích tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 14%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 251/2019/TgT ngày 14/11/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận: Trần Trung T bị thương ở trán trái tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 1%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2021/HS-ST ngày 17-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Võ Hồng N, Nguyễn T V phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”; Bị cáo Trần Trung T phạm tội “Cố ý gây thương tích”; Các bị cáo Bùi H1, Nguyễn Anh D, Lê Văn H, Lê V H, Trần Anh K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Anh T, Trần Minh P phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 318; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Võ Hồng N 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/3/2020.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn T V 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/02/2020.

2.3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Trung T 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2019 đến ngày 28/11/2019.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê V H 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 23/7/2019 đến ngày 19/10/2019

Xử phạt bị cáo Đoàn Anh T 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2019 đến ngày 28/9/2019.

Xử phạt bị cáo Bùi H1 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2019 đến ngày 28/9/2019

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Anh K 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 18/10/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 23/7/2019 đến ngày 19/10/2019.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh P 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.8. Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2019 đến ngày 06/10/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm có kiến nghị tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục xem xét yêu cầu của bị hại về việc các bị cáo có phạm tội “giết người” hay không, có bỏ lọt tội phạm hay không?

Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Trong hạn luật định các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Tiêu Viết Q kháng cáo cho rằng. Bản án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Đức L và Nguyễn Quốc T; xét xử không đúng tội danh đối với Võ Hồng N và Nguyễn T V.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn H rút kháng cáo. Các bị cáo còn lại và đại diện cho bị hại vẫn giữ nguyên nội dung đơn xin kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn H.

Không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo trong nhóm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Tiêu Viết Q; Hủy một phần bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Võ Hồng N và Nguyễn T V.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn T V cho rằng Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo V về tội “ Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát, ngoài ra Luật sư còn cho rằng cơ quan tiến hành cấp sơ thẩm còn bỏ lọt tội phạm đối với hành vi của Nguyễn Đức L và Nguyễn Quốc T;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trần Minh P vắng mặt; Xét thấy các bị cáo đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do vậy; Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn H rút đơn kháng cáo do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bị cáo.

Về nội dung:

[1] Xuất phát từ mâu thuẫn rồi xảy ra xô xát, đánh nhau giữa Tiêu D D và Võ Hồng N khi ngồi nhậu cùng nhau ở quán Vịt Lộn C. N bỏ chạy vào trụ sở Công an thành phố P (CATP) rồi gọi điện cho Trần Trung T nói mới bị đánh, đang ở trong CATP nhờ thành đến chở về, thì được thành đồng ý. Gọi cho T xong N gọi cho Trần Minh T nói “Tụi nó đang kiếm giết anh, tụi bây tập trung anh em lại cầm đồ (Hung khí) xuống CATP đón anh rồi kiếm tụi nó chơi lại nên mới dẫn đến việc bị cáo T mang hai con dao, bị cáo T mang theo một con dao đi đến.

Sau khi bị xe ô tô V va vào xe mô tô ngã xuống Tiêu D D cầm khẩu súng quân dụng đến cửa trước bên trái xe ô tô của V bắn một phát, đầu đạn găm vào vai trái của V. D bỏ chạy thì bị Trần Minh T, Trần Trung T dùng xe mô tô và cầm dao truy đuổi. Đến đoạn khu vực chợ đêm thành phố P thì T và T đuổi kịp D, T bị D dùng súng bắn 02 phát vào người, hậu quả T chết, D tiếp tục dùng báng súng đánh vào đầu T gây thương tích, T dùng dao chém nhiều nhát trên người D gây tổn thương cho Tiêu D D là 14%.

Nghe tin Tiêu D D bị thương nên các bị cáo Lê V H, Nguyễn Anh D, Bùi H1, Nguyễn Ngọc T, Trần Anh K, Lê Văn H, Đoàn Anh T và Trần Minh P rủ nhau đi tìm tại các bệnh viện khác nhau trong thành phố nhưng không gặp, khi đến bệnh viện 211 nơi bị cáo Nguyễn T V đang điều trị sau khi bị Tiêu D D bắn thì Lê V H đến giật dây chuyện nước, kéo V đi, T đi sau lưng vừa đẩy V vừa cùng H1 dùng tay đâm vào mặt V, ra đến sân D nói đưa V lên xe D chở; P chạy Mô tô theo sau đi đến Biển Hồ rồi lại đi đến nghĩa trang thành phố P để buộc V khai báo nơi Tiêu D D điều trị nhưng không có kết quả thì gọi taxi cho V tự đi về; T đi lấy xe mô tô ra không thấy ai và gọi điện cho H để hỏi nhưng H không nghe máy nên chạy về nhà nghỉ một lúc thì H gọi điện nói lên nghĩa trang thành phố nên T chạy xe lên, Khi T

và P vừa đến thấy V trên xe P với theo đám V nhưng bị H ngăn lại. V không yêu cầu xem xét thương tích.

[2] Với những hành vi nêu trên các bị cáo Bùi H1, Nguyễn Anh D, Lê Văn H, Lê V H, Trần Anh K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Anh T, Trần Minh P bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền tự do thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phân hóa vai trò của từng bị cáo đồng thời xem xét đến nhân thân để xử các bị cáo: Lê V H 27 tháng tù, Đoàn Anh T, Nguyễn Anh D và Bùi H1 mỗi bị cáo 21 tháng tù, Trần Anh K 18 tháng tù, Nguyễn Ngọc T 15 tháng tù Trần Minh P 12 tháng tù Lê Văn H 06 tháng tù. Hội đồng xét xử thấy rằng; trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời có bị cáo ra đầu thú, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án sơ thẩm cũng ghi nhận điều này; tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thật thà khai báo, và biết ăn năn hối cải xin lỗi bị hại, quá trình điều tra các bị cáo cũng được Nguyễn T V xin xem xét giảm nhẹ và miễn trách nhiệm hình sự. (BL927 - 928). Bản án sơ thẩm đánh giá và không cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là thiếu sót. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với những người biết ăn năn hối cải, mức hình phạt khi giảm nhẹ vẫn trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của ông Tiêu Viết Q kháng cáo cho rằng. Bản án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Đức L và Nguyễn Quốc T; xét xử không đúng tội danh đối với Võ Hồng N và Nguyễn T V. Đồng thời xét kiến nghị của Tòa án cấp sơ thẩm.

Sau khi đánh giá hành vi khách quan và ý thức chủ quan của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai cũng xác định: Khoảng gần 01 giờ 00' ngày 02/7/2019 thì giữa N và D xảy ra mâu thuẫn xô sát, đánh nhau (D, H1 và T khai không phải khi đó hai bên xảy ra mâu thuẫn đánh nhau mà khi đó H1 đang tính tiền để nghỉ đi về thì cả ba bất ngờ thấy N tay phải cầm khẩu súng ngắn màu đen chĩa vào đầu D nói: “Tao bắn chết mày nha T Cung,

tao bắn chết mày nha T Cung” và bóp cò thì có hai tiếng: “Tạch, tạch” vang lên nhưng súng không nổ, D liền dùng hai tay chụp lấy tay N đang cầm súng dí xuống đất để giằng lấy, H1 và T cũng vào chụp tay súng của N để tước súng nhưng N không thả, D cúi người xuống cắn vào cổ tay phải đồng thời dùng tay đâm vào ngực thì N thả súng ra rồi bỏ chạy về hướng cổng CATP), N bỏ chạy về hướng cổng trụ sở CATP, T đuổi theo nhặt đá ném nhưng không trúng.

Xét lời khai cho rằng N rút súng đe dọa D của các bị cáo thấy rằng: Lời khai của D là phù hợp với lời khai của H1 tại cơ quan điều tra thể hiện sự khách quan giữa các lời khai bởi lẽ: Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2019 tại Bệnh viện D khai N là người dí súng vào D (BL601) và sau đó ngày 4/7/2019 H1 cũng khai tại trại giam Công an tỉnh Gia Lai về hành vi của N rút súng đe dọa D. Tại phiên tòa hôm nay H1 vẫn thừa nhận lời khai của mình và khẳng định sau khi sự việc xảy ra vào sáng ngày 02/7/2019 giữa H1 và D không gặp nhau. Lời khai của các bị cáo cũng cơ bản phù hợp với người làm chứng là bà Nguyễn Thị Đ là người bán quán thừa nhận có sự giằng co xô sát giữa 02 người (BL977), ngoài ra tại lời khai của N (BL 865) cũng thừa nhận có vết cắn ở tay do D cắn nhưng N cho rằng do N nắm cổ tay D nên bị cắn.

[4.2] Như vậy bắt đầu từ sự khởi nguồn mâu thuẫn giữa N và D, thì sau khi bị đuổi N chạy qua Công an T phố P. Theo lời khai của N cho rằng đến đây để trình báo và gọi người thân đến đưa về vì sợ nhóm của D tìm kiếm trả thù. Tuy nhiên tại đây N không gọi người thân đến đón mà điện thoại cho T đến chờ về thì T đồng ý rồi dậy lấy xe mô tô BKS: 81B1 - 995.84 và một con dao dài khoảng 01 mét kê lên yên xe ngồi lên trên rồi chạy đi đón N, sau khi điện cho T thì N gọi điện cho Trần Minh T nói: “Tụi nó đang kiếm giết anh, tụi bay tập trung anh em lại cầm đồ (Hung khí) xuống CATP đón anh rồi kiếm tụi nó chơi lại”. Bị cáo N không thừa nhận những sự việc điện thoại nêu trên nhưng có đủ chứng cứ để khẳng định sau khi bị D đánh ở quán thì N có gọi điện cho đồng bọn đến đánh trả thù nhóm của D bởi lẽ khi được các đồng chí trực bảo vệ tại Công an T phố P gọi điện cho Công an phường đến đưa N về nhưng N không về (BL 969 – lời khai nhân chứng L Trần H) mà gọi điện cho T và T đến đồng thời T và T có cầm dao theo.

Như vậy có căn cứ khẳng định N, T, chuẩn bị hung khí và cùng chung ý chí tìm D trả thù cho N.

[4.3] Đối với hành vi của Nguyễn T V thấy rằng:

Do N chờ T khoảng 10' chưa thấy đến thì tiếp tục gọi điện thoại cho Nguyễn Đức L, L nhận lời nhưng không có xe nên gọi điện thoại cho Nguyễn T V rủ đi cùng, V điều khiển xe ô tô BKS: 81A - 133.82 chở L qua CATP đón N.

Sau một hồi 02 xe của T chở N và H1 chở D rượt đuổi nhau và khi T đang loay hoay để lùi xe ra khỏi cổng phụ CATP thì N xuống xe nghe điện thoại của L và T, N hỏi: “Tụi mày đến đâu rồi, tao đang trước CATP”. Vài giây sau thì V điều khiển xe ô tô BKS: 81A-133.82 chở Nguyễn Đức L, Trần Minh T và Nguyễn Quốc T đi đến (trước đó khi V chở L đến ngã tư đường P - H để đón N nhưng không thấy thì L gọi điện hỏi N đang ở đâu, N nói đang bên CATP, V quay đầu xe để quay lại CATP thì Trần Minh T đi cùng Nguyễn Quốc T và một người nữa tên Cần - hiện chưa rõ lai lịch trên một xe mô tô lại gõ cửa xin lên xe đi cùng, **khi lên xe T mang theo hai con dao dài khoảng 01 mét**, đi cùng T còn có T, người điều khiển xe mô tô chở T và T đến sau đó đi đâu không rõ), khi V lái xe đến trước cổng CATP thì thấy N đang đứng ở đây, thấy xe V đến N chỉ tay về phía H1 và D đang đi xe mô tô phía trước đầu xe ô tô nói: **“Hai thằng đó đó, tông chết mẹ nó cho tao”**.

Trong quá trình điều tra Võ Hồng N và Nguyễn T V không thừa nhận N là người nói câu **“Hai thằng đó đó, tông chết mẹ nó cho tao”** để V thực hiện hành vi dùng xe ô tô tông vào Bùi H1 và Tiêu D D, tuy nhiên qua lời khai của người làm chứng và qua trích xuất dữ liệu camera thấy rằng: Khi sự việc xảy ra anh L Trần H (BL 969) đang thực hiện nhiệm vụ canh gác bảo vệ Trụ sở Công an thành phố, khoảng cách giữa anh H và N lúc đứng ngoài đường nhựa chờ xe của V đến là khá gần nên anh H chứng kiến được sự việc và nghe lời nói của N rất rõ. Ngoài lời nói thì N còn chỉ tay về phía D và H1 đang đứng phía trước, kết quả thực nghiệm điều tra thể hiện V đương nhiên thấy rõ việc chỉ tay của N.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo V cho rằng không biết T lên xe V có mang hai con dao nhưng với kích thước mỗi con dao dài khoảng 1m, với hệ thống kính xe, điện đường, với tầm quan sát của người lái xe và với âm thanh va chạm của hai con dao khi T bước lên xe ô tô do V điều khiển thì đương nhiên V phải biết việc T có mang dao.

Như vậy V và N cùng T, T cùng chung ý chí đánh Bùi H1 và Tiêu D D.

[4.4] Đối với hành vi của Trần Trung T; Trần Minh T.

Sau khi V tông vào xe máy do H1 chở D làm cho H1 và D ngã xuống đường ,T mở cửa xe ô tô và cầm dao bước xuống, H1 và D vùng dậy bỏ chạy thì bị Trần Minh T, Trần Trung T dùng xe mô tô và cầm dao truy đuổi. Đến đoạn khu vực chợ đêm thành phố P thì T và T đuổi kịp D, T bị D dùng súng bắn 02 phát vào người, hậu quả T chết, D tiếp tục dùng báng súng đánh vào đầu T gây thương tích, T dùng dao chém nhiều nhát trên người D gây tổn thương cho Tiêu D D là 14%. Quá trình

điều tra vụ án D đang bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh nên hành vi của D được tách ra để xử lý trong một vụ án khác.

[5] Từ những nhận định viện dẫn và đánh giá tại [4.1],[4.2], [4,3], [4.4] nêu trên, khi đánh giá ý thức chủ quan và những hành vi khách quan của các bị cáo; Võ Hồng N và Nguyễn T V. Có đủ căn cứ để khẳng định việc Tiêu D D bị thương tích nêu trên do Trần Trung T; Trần Minh T gây ra tuy nhiên hậu quả này cũng có trách nhiệm của Võ Hồng N và Nguyễn T V, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả N và V phải là đồng phạm với hành vi của Trần Trung T. Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở Cáo trạng đã xét xử các bị cáo Võ Hồng N và Nguyễn T V tội “gây rối trật tự công cộng” với tình tiết định khung là “*xúi dục người khác gây rối và dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách*” là không đúng pháp luật. Ngoài ra trong vụ án này có sự tham gia của Nguyễn Đức L và Nguyễn Quốc T là người được N gọi và cùng ngồi trên xe với Nguyễn T V và Trần Minh T (*T mang theo 02 dao mỗi dao dài khoảng 01 mét*), do vậy cũng cần xem xét hành vi này của T và L.

Từ những nhận định nêu trên xét thấy; đơn kháng cáo của ông Tiêu Viết Q là đại diện hợp pháp cho bị hại là có căn cứ được chấp nhận, do vậy cần thiết phải hủy một phần bản án sơ thẩm đối với nhóm tội “gây rối trật tự công cộng” và “có ý gây thương tích” để điều tra truy tố xét xử lại cho đúng quy định của pháp luật.

Do bản án bị hủy một phần nên đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Võ Hồng N và Nguyễn T V, Trần Trung T chưa được xem xét.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348, điểm b,c khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của Lê Văn H.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Tiêu Viết Q.

Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo: Bùi H1, Nguyễn Anh D, Lê V H, Trần Anh K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Anh T, Trần Minh P, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Hủy một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 17/01/2022, của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để điều tra lại đối với các bị cáo Võ Hồng N, Nguyễn T V và Trần Trung T.

Giao hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai để giải quyết theo quy định của pháp luật.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Bùi H1, Nguyễn Anh D, Lê Văn H, Lê V H, Trần Anh K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Anh T, Trần Minh P phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê V H 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 23/7/2019 đến ngày 19/10/2019

Xử phạt bị cáo Đoàn Anh T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2019 đến ngày 28/9/2019.

Xử phạt bị cáo Bùi H1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2019 đến ngày 28/9/2019

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Anh K 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 18/10/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 23/7/2019 đến ngày 19/10/2019.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành